

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3082/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ-BTP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2562/QĐ-BTP ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả kiểm tra tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025 đối với 46 viên chức có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố thông báo kết quả kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025 nêu tại Điều 1 Quyết định này cho người tham dự kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý.

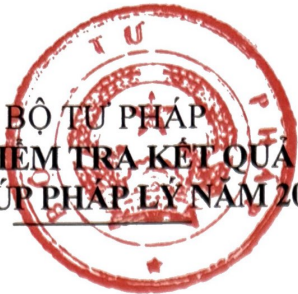
Điều 3. Cục trưởng Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý, Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025, Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố và những người tham dự kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Cổng thông tin điện tử BTP;
- Lưu: VT, PB&TG.



Nguyễn Thanh Ngọc



DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA TẬP SỰ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2082./QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt kết quả kỳ kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2025)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm kiểm tra viết	Đạt/ Không đạt yêu cầu kiểm tra
1.	Nguyễn Anh	21/6/1989	Hà Tĩnh	TS01	71	58.5	Đạt
2.	Và A Chá	15/11/1994	Son La	TS02	63.5	55	Đạt
3.	Dương Văn Chung	19/8/1977	Bắc Ninh	TS03	84	73.5	Đạt
4.	Nguyễn Thị Dầu	18/3/1992	Quảng Ngãi	TS04	72	59	Đạt
5.	Nguyễn Thị Kiều Đông	10/12/1993	Quảng Trị	TS05	82	56.5	Đạt
6.	Nguyễn Thị Thùy Dương	09/9/1993	Quảng Trị	TS06	67.5	60	Đạt
7.	Nguyễn Thị Duyên	20/6/1986	Khánh Hòa	TS07	68.5	65	Đạt
8.	Thi Ngọc Hân	15/8/1996	Cà Mau	TS08	73	56	Đạt
9.	Phạm Tuấn Hào	16/11/1983	Hà Nội	TS09	73	53	Đạt
10.	Lương Đình Hào	22/12/1981	Bắc Ninh	TS10	74	56	Đạt
11.	Trần Hoàng Hiếu	13/4/1994	Đồng Tháp	TS11	64	60	Đạt
12.	Nguyễn Thái Hòa	16/5/1990	Quảng Ngãi	TS12	52.5	67.5	Đạt
13.	Đặng Huy Hoàng	27/9/1997	Đồng Nai	TS13	72.25	66	Đạt
14.	Phan Thị Lan Hương	28/01/1980	Thái Nguyên	TS14	50	36.5	Không đạt

Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm kiểm tra viết	Đạt/ Không đạt yêu cầu kiểm tra
15.	Vũ Thu Hương	04/11/1995	Bắc Ninh	TS15	69.5	64.5	Đạt
16.	Trịnh Thị Ngọc Lan	17/10/1976	Hà Nội	TS16	50	29	Không đạt
17.	Nguyễn Thành Lê	30/7/1979	Đà Nẵng	TS17	66.5	55.5	Đạt
18.	Vũ Thị Bích Liên	28/3/1990	Hải Phòng	TS18	52	60	Đạt
19.	Huỳnh Thị Thúy Liễu	09/7/1980	Cần Thơ	TS19	53.5	52.5	Đạt
20.	Bùi Hải Yến Linh	29/7/1995	Đà Nẵng	TS20	66	57.5	Đạt
21.	Hà Thị Linh	05/01/1976	Phú Thọ	TS21	78	52.5	Đạt
22.	Nguyễn Thị Kiều Linh	23/6/1998	Cần Thơ	TS22	74	65	Đạt
23.	Mã Thị Loan	11/4/1993	Cao Bằng	TS23	93.5	57	Đạt
24.	Trà My	31/7/1995	Tây Ninh	TS24	78	66.5	Đạt
25.	Lê Thành Năm	10/10/1985	Đồng Nai	TS25	81.5	59.5	Đạt
26.	Nguyễn Thị Thảo Như	14/10/1999	Đồng Nai	TS26	75	57	Đạt
27.	Trịnh Thị Hồng Nhung	21/9/1996	Điện Biên	TS27	77.5	65	Đạt
28.	Nguyễn Thu Phương	13/8/1998	Thái Nguyên	TS28	82	55	Đạt
29.	Sùng Thị Thu Phương	06/12/1997	Lào Cai	TS29	72	68.25	Đạt
30.	Võ Thị Phương	01/8/1985	Hồ Chí Minh	TS30	72.5	56	Đạt
31.	Nguyễn Thị Hoa Phượng	07/7/1976	Hà Tĩnh	TS31	81.5	64	Đạt
32.	Lê Hoàng Sơn	04/10/1981	Lâm Đồng	TS32	66.5	66	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tỉnh/TP	Số báo danh	Điểm kiểm tra thực hành	Điểm kiểm tra viết	Đạt/ Không đạt yêu cầu kiểm tra
33.	Nguyễn Lê Thị Hồng Thắm	10/01/1994	Vĩnh Long	TS33	75.5	76	Đạt
34.	Trần Hoàng Nhật Thanh	15/8/1979	Tây Ninh	TS34	65	52	Đạt
35.	Nguyễn Thị Lệ Thu	28/8/1994	Ninh Bình	TS35	57.5	54.5	Đạt
36.	Nguyễn Thị Minh Thư	01/9/1996	Lâm Đồng	TS36	55	55.5	Đạt
37.	Đào Thu Thủy	04/7/1978	Thái Nguyên	TS37	55	66	Đạt
38.	Nguyễn Thị Trang	04/7/1997	Hải Phòng	TS38	67.5	59.5	Đạt
39.	Trần Thị Cẩm Trang	01/02/1989	Đồng Nai	TS39	76.5	66.5	Đạt
40.	Võ Thị Hiền Trang	18/5/1985	Gia Lai	TS40	57.5	59	Đạt
41.	Đỗ Công Trạng	02/9/1995	Tây Ninh	TS41	65	72.5	Đạt
42.	Võ Minh Trí	10/4/1987	Cà Mau	TS42	44	56	Không đạt
43.	Võ Quốc Trung	04/8/1988	Tây Ninh	TS43	54	50.25	Đạt
44.	Trần Quốc Tuấn	01/5/1995	Lâm Đồng	TS44	55	72.5	Đạt
45.	Trương Văn Tùng	28/5/1989	Bắc Ninh	TS45	51.5	71	Đạt
46.	Trần Thị Thúy Vinh	04/5/1973	Hà Tĩnh	TS46	64	56.5	Đạt